

Về con chung: Anh và chị N có một người con chung là Trần Nguyên H, sinh ngày 23-9-2010, hiện do anh L nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Võ Bé N trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với trình bày của anh L về hôn nhân, chị bổ sung ý kiến: Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, chung sống không hạnh phúc nên đã ly thân 02 năm nay. Chị thống nhất ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Nguyên H yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền là 700.000 đồng.

Tài sản chung: Chị và anh L tạo lập được 09 chỉ vàng 24K và số tiền 10.000.000 đồng hiện anh L đang giữ, chị yêu cầu chia đôi.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của anh L về hôn nhân, về con chung là có cơ sở chấp nhận, về tài sản chung: Chị N yêu cầu chia đôi nhưng chị không nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc anh L yêu cầu ly hôn với chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Chị N được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Anh L và chị N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống không hạnh phúc nên đã ly thân gần 02 năm nay, gia đình hai bên không có hàn gắn để anh, chị đoàn tụ. Nay anh L và chị N thống nhất ly hôn với nhau. Điều đó, cho thấy hôn nhân của anh L và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh L được ly hôn với chị N.

[2] Về con chung: Anh L và chị N đều yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Xét thấy, cháu H đang sống ổn định cùng với anh L và có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với anh L nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh L, anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản: Theo chị N trình bày chị và anh L tạo lập được 09 chỉ vàng 24K và số tiền 10.000.000 đồng hiện anh L đang giữ, chị yêu cầu chia đôi nhưng chị N không nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét yêu cầu này của chị N.

Nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh L phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do anh L đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Võ Bé N.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Ka L và chị Võ Bé N được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn H, sinh ngày 23-9-2010 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản: Chị N không nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh L phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ngày 10-01-2019 anh L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005879 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đổi trừ chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn